

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG B2

(Đợt thi ngày 17,18 tháng 8 năm 2022)

(Kèm theo biên bản họp HĐ ĐGNLNN số ngày 19 tháng 9 năm 2022)

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Nghe (thang điểm 20)	Nói (thang điểm 25)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
1	TA0259	1781710101	Bạch Phương	Anh	16/3/1999	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
2	TA0260	1781410102	Phạm Trung Tuấn	Anh	9/2/1999	19.5	21.0	27.0	16.0	83.5	
3	TA0261	18810710008	Đặng Tiến	Đông	1/9/2000	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
4	TA0262	1781210009	Nguyễn Tuấn	Dương	18/1/1999	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
5	TA0263	1781410110	Lê Hải	Hà	12/2/1999	14.5	20.0	3.5	1.0	39.0	
6	TA0264	1781510110	Nguyễn Duy	Hiếu	5/1/1999	19.5	22.0	29.5	6.0	77.0	
7	TA0265	1681420017	Đào Xuân	Hòa	12/4/1998	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
8	TA0266	1781510111	Vương Minh	Hoàng	04/08/1999	19.5	22.0	26.0	13.0	80.5	
9	TA0267	1681810011	Bùi Thị	Huế	30/7/1998	18.0	24.0	27.5	22.0	91.5	
10	TA0268	1781410115	Đặng Minh	Hùng	16/9/1999	19.5	22.0	25.0	7.0	73.5	
11	TA0269	1781510112	Hồ Quốc	Hùng	21/6/1999	19.5	24.0	29.0	22.0	94.5	
12	TA0270	1781210016	Nguyễn Quang	Hưng	17/11/1999	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
13	TA0271	1681810012	Nguyễn Thị Mai	Hương	4/12/1998	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
14	TA0272	1781710115	Tổng Mỹ	Linh	10/4/1999	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
15	TA0273	18810170269	Nguyễn Hải	Long	11/12/2000	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
16	TA0274	1681410020	Lê Ngọc	Minh	25/8/1998	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
17	TA0275	18810320357	Trần Bình	Minh	9/12/2000	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
18	TA0276	19810810013	Nguyễn Minh	Ngọc	1/8/2001	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Nghe (thang điểm 20)	Nói (thang điểm 25)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
19	TA0277	1681510417	Lê Huy	Quân	5/10/1998	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
20	TA0278	1781510117	Cù Huy	Quang	6/6/1999	19.5	23.0	21.5	21.0	85.0	
21	TA0279	1781810224	Nguyễn Công	Thành	22/07/1999	18.0	23.0	12.0	8.0	61.0	
22	TA0280	1781410133	Đỗ Văn	Trung	30/10/1999	9.5	22.0	15.0	22.0	68.5	
23	TA0281	1781420226	Trần Văn	Trường	3/8/1999	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
24	TA0282	1781510120	Nguyễn Quang	Tùng	8/9/1999	18.5	23.0	26.0	12.0	79.5	
25	TA0283	1581420042	Phạm Thanh	Tùng	14/1/1997	19.5	23.0	14.0	19.0	75.5	
26	TA0284	1781410118	Nguyễn Quang	Huy	23/07/1999	18.0	25.0	21.5	16.0	80.5	
27	TA0285	1581910034	Nguyễn Tấn	Phát	14/10/1997	14.5	22.0	6.5	1.0	44.0	
28	TA0300	1581210012	Lê Văn	Doanh	19/02/1997	16.5	20.0	9.5	6.0	52.0	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 28 thí sinh

Điều kiện để được công nhận Năng lực Tiếng Anh tương đương B2 theo khung tham chiếu chung Châu Âu:

1, Tổng điểm đạt: 60/100.

2, Kỹ năng nghe tối thiểu 7/20, Kỹ năng nói tối thiểu 8/25, Kỹ năng đọc tối thiểu 10/30, Kỹ năng viết tối thiểu 8/25.